

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 5 – 2022

V/v tranh chấp xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Múth So Ny

2. Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: ông Châu Kim Sol – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa:
bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 28/4/2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Neáng Sóc R, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: tổ 15, ấp T, xã N, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Chau X, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: ấp B, xã A, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người phiên dịch: ông Chau Xi Nê là phiên dịch viên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07 tháng 02 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Neáng Sóc R trình bày: Chị và anh Chau X tự quen biết và tìm hiểu, sau đó được sự chấp thuận của hai gia đình tiến hành tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 2013, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc; đến khoảng tháng 3 năm 2019, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống bất đồng quan điểm, anh Chau X không quan tâm đến đời sống vợ chồng, gây nợ nần, bỏ bê vợ con; anh X còn có hành vi không tôn trọng và bạo lực gia đình, thường xuyên đánh đập chị. Mặc dù nhiều lần chị khuyên ngăn để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng anh X không thay đổi, cho nên hai người sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy,

cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, nên chị R yêu cầu được ly hôn với anh X.

Chị Neáng Sóc R và anh Chau X có 02 con chung tên: Chau Ri S, sinh ngày 09/12/2014 và Chau Sóc S, sinh ngày 07/11/2016, hiện chị R đang nuôi dưỡng. Ly hôn, chị R có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Chau X trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân như chị R trình bày. Sau khi tổ chức lễ cưới thì vợ chồng chung sống tại gia đình cha mẹ ruột của chị R. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do gia đình bên vợ có thái độ xem thường, nên anh bỏ về gia đình cha mẹ ruột ở xã A huyện Tịnh Biên sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị R có yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: có 02 con chung tên Chau Ri S, sinh ngày 09/12/2014 và Chau Sóc S, sinh ngày 07/11/2016, hiện các con đang được chị R nuôi dưỡng. Anh X đồng ý giao hai con chung cho chị R được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tỉnh An Giang phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật Tổ tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về đề xuất hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: không công nhận chị Neáng Sóc R và anh Chau X là vợ chồng;

+ Về con chung: giao hai con chung tên Chau Ri S, sinh ngày 09/12/2014 và Chau Sóc S, sinh ngày 07/11/2016, cho chị Neáng Sóc R được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Chau X không phải cấp dưỡng, do chị R không yêu cầu.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

- Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Neáng Sóc R có yêu cầu xin ly hôn với anh Chau X hiện có địa chỉ cư trú và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã A, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, theo qui định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Neáng Sóc R, bị đơn anh Chau X cùng đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung

[2.1]. Quan hệ hôn nhân:

Chị Neáng Sóc R và anh Chau X tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, nhưng không đăng ký kết hôn.

Chị Neáng Sóc R cho rằng thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống bất đồng quan điểm, anh Chau X không quan tâm đến đời sống vợ chồng, gây nợ nần, bỏ bê vợ con; anh X còn có hành vi không tôn trọng và bạo lực gia đình, thường xuyên đánh đập chị. Mặc dù nhiều lần chị khuyên ngăn để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng anh X không thay đổi, cho nên hai người sống ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, nên chị R yêu cầu ly hôn với anh X.

Anh Chau X thì cho rằng do gia đình bên chị R có thái độ xem thường, nên anh bỏ về gia đình cha mẹ ruột ở xã An Cư huyện Tịnh Biên sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Chị R có yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì : “ *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”, và theo khoản 2 Điều 53 qui định “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*”.

Như vậy, chị Neáng Sóc R và anh Chau X chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, nhưng không có đăng ký kết hôn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Neáng Sóc R đối với anh Chau X không được chấp nhận mà Tòa án tuyên bố không công nhận chị Neáng Sóc R và anh Chau X là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: chị Neáng Sóc R và anh Chau X có 02 con chung tên Chau Ri S, sinh ngày 09/12/2014 và Chau Sóc S, sinh ngày 07/11/2016, hiện chị R đang nuôi dưỡng, đồng thời chị R có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh Chau X phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: từ thời

điểm chị R và anh X không còn chung sống với nhau thì các cháu Chau Rì S và Chau Sóc S do chị R là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự phát triển bình thường của đứa trẻ và cũng theo nguyện vọng của cháu Chau Rì S theo Biên bản lấy lời khai ngày 05/4/2022 thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ; do đó giao cho chị R tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc các con chung là phù hợp. Chị Neáng Sóc R không yêu cầu anh Chau X phải cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra giải quyết.

Việc nuôi dạy con không cố định, vì lợi ích của con, theo yêu cầu và cũng của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Neáng Sóc R khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo mức án phí không giá ngạch, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Đề nghị của Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 14, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Neáng Sóc R và anh Chau X là vợ chồng.

Về con chung: giao cho chị Neáng Sóc R tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung tên Chau Rì S, sinh ngày 09/12/2014 và Chau Sóc S, sinh ngày 07/11/2016. Anh Chau X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

Về án phí: chị Neáng Sóc R phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu số 0007566, ngày 15 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tịnh Biên;
- THADS huyện Tịnh Biên;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiện

